

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 154/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Trần Minh Q**, sinh năm 2002. Địa chỉ: **Ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau**. Căn cước số 096202012650, cấp ngày 15/10/2025.

2. Chị **Trần Thị Ú**, sinh năm 2002. Địa chỉ: **Ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau**. Căn cước công dân số 096302007596, cấp ngày 02/01/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh **Trần Minh Q** và chị **Trần Thị Ú** chung sống với nhau vào tháng 9/2022, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau)**. Quá trình chung sống, xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên đã sống ly thân 01 năm nay. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh **Q** và chị **Ú** mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh **Trần Minh Q** và chị **Trần Thị Ú** (giấy chứng nhận kết hôn số: 90 ngày 31/10/2022 của UBND xã **T**, huyện **C**, tỉnh **Cà Mau**).

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh **Trần Minh Q** và chị **Trần Thị Ú** mỗi người phải chịu là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền anh **Q** đã nộp tạm ứng 150.000 đồng theo biên lai số 0007501, chị **Ú** đã nộp tạm ứng 150.000 đồng theo biên lai số 0007502 cùng ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau thì anh **Q** và chị **Ú** đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn